

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày

tháng 11 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục 11 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung
và phê duyệt 11 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh
trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy

ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 686/TTr-SNN&MT ngày 06 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục **11** (mười một) thủ tục hành chính cấp tỉnh được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 (*chi tiết tại Phụ lục I kèm theo*).

Điều 2. Phê duyệt **11** (mười một) quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh được công bố tại Điều 1 Quyết định này (*chi tiết tại Phụ lục II kèm theo*).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường trong thời gian 03 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành phải cập nhật công khai đầy đủ danh mục, nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính đã được công bố trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính.

2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ cách thức thực hiện của thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ công trực tuyến.

3. Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường thiết lập cấu hình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Vĩnh Long, hoàn thành trong thời gian 03 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

4. Giao Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức, niêm yết công khai đầy đủ danh mục tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế nội dung của các thủ tục hành chính có số thứ tự số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1307/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long và quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính có số thứ tự số 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17 Phụ lục kèm theo Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày

29 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Vĩnh Long.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- TTPVHCC; Phòng KTN;
- Lưu: VT, 06.PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quỳnh Thiện

Phụ lục I

(Kèm Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG¹

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH						
LĨNH VỰC THỦY SẢN						
1	1.004943.H61	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	- 08 ngày làm việc (Cấp giấy phép khảo nghiệm). - 08 ngày làm việc (Công nhận khảo nghiệm giống)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

¹ Phần in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

				24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		- Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; - Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
2	1.004929.H61	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

				24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		- Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; - Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
3	1.004794.H61	Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	04 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

				24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		- Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; - Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
4	1.004683.H61	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	- 12 ngày làm việc (phê duyệt đề cương khảo nghiệm). - 08 ngày làm việc (công nhận khảo nghiệm)	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

				24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		- Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; - Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
5	1.004678.H61	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải	- 45 ngày đối với trường hợp cấp mới. - 15 ngày đối với trường hợp cấp lại/gia hạn.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

		lý)		24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		- Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
6	1.004669.H61	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	- 58 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới (chưa bao gồm thời gian kiểm tra thực tế - nếu có). - 18 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại/gia hạn.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư;

				ng nghiệp và Môi trường.		- Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
7	1.004654.H61	Công bố mở cảng cá loại I	06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành

				ng nghiệp và Môi trường.		<i>chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.</i>
8	2.001694.H61	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (<i>Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long</i>). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; - <i>Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành</i>

						<i>chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.</i>
9	1.003851.H61	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (đề mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc đề hợp tác quốc tế)	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hữu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn . Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (<i>Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long</i>). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; - <i>Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực</i>

						<i>hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.</i>
10	1.003741.H61	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn. Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (<i>Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long</i>). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.	12.450.000 đồng	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ Thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thăm

						định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu Thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực Thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động Thủy sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; - Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
11	1.003726.H61	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Vĩnh Long, địa chỉ: Số 12C, đường Hoàng Thái Hiếu, phường Long Châu, tỉnh Vĩnh Long hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn .	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản ngày 21/11/ 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ Thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp

				Cơ quan giải quyết: - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long (<i>Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường theo Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long</i>). - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.		và Phát triển nông thôn Sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực Thủy sản; - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư; - <i>Quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện tiếp nhận, giải quyết 11 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Thủy sản trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.</i>
--	--	--	--	---	--	--

Phụ lục II
QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH
LĨNH VỰC THỦY SẢN

1. Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (Mã TTHC: 1.004943.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
1. Phê duyệt đề cương khảo nghiệm			
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định, kiểm tra, tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt đề cương khảo nghiệm, cấp phép nhập khẩu giống thủy sản (nếu là sản phẩm nhập khẩu)	Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo	7,5 ngày làm việc
2. Công nhận kết quả khảo nghiệm			
Bước 3	Phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo sau khi nhận báo cáo kết quả khảo nghiệm, tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm	Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo	04 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra kết quả và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo dự thảo quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm		01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		01 ngày làm việc
Bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 7	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính		0,5 ngày làm việc

	công để trả kết quả		
Bước 8	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		1. Phê duyệt đề cương khảo nghiệm: 08 ngày làm việc. 2. Công nhận kết quả khảo nghiệm: 08 ngày làm việc.	

2. Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá (Mã TTHC: 1.004929.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	04 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		0,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		07 ngày làm việc	

3. Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (Mã TTHC: 1.004794.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		0,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.		0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		04 ngày làm việc	

4. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (1.004683.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
1. Phê duyệt đề cương khảo nghiệm			
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định, kiểm tra, tham mưu Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt đề cương khảo nghiệm	Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo	11,5 ngày làm việc
2. Công nhận kết quả khảo nghiệm			
Bước 3	Phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo sau khi nhận báo cáo kết quả khảo nghiệm, tổ chức đánh giá kết quả khảo nghiệm	Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo	04 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra kết quả và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo dự thảo quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm		01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		01 ngày làm việc
Bước 6	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư	Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 7	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày làm việc
Bước 8	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		1. Phê duyệt đề cương khảo nghiệm: 12 ngày làm việc. 2. Công nhận kết quả khảo nghiệm: 08 ngày làm việc.	

5. Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý) (Mã TTHC: 1.004678.H61)

a) Trường hợp cấp mới giấy phép

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	40 ngày
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		1,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định.		01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết TTHC		45 ngày	

b) Trường hợp cấp lại, gia hạn giấy phép

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và	Trung tâm Phục vụ hành chính công	0,5 ngày

	chuyên Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	tỉnh/cấp xã	
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	10 ngày
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		1,5 ngày
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		01 ngày
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày
Tổng thời gian giải quyết TTHC		15 ngày	

6. Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (Mã TTHC: 1.004669.H61)

a) Trường hợp cấp mới giấy phép

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	53 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		1,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		58 ngày làm việc	

b) Trường hợp cấp lại, gia hạn giấy phép

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc

Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	13 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		1,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		18 ngày làm việc	

7. Công bố mở cảng cá loại I (Mã TTHC: 1.004654.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	03 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		0,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		06 ngày làm việc	

8. Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (Mã TTHC: 2.001694.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		0,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		0,5 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		04 ngày làm việc	

9. Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế (Mã TTHC: 1.003851.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	10 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		1,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		15 ngày làm việc	

10. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (Mã TTHC: 1.003741.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	05 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		1,5 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		01 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		01 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,5 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		10 ngày làm việc	

11. Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (Mã TTHC: 1.003726.H61)

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian (ngày làm việc)
Bước 1	Công chức tiếp nhận hồ sơ, quét scan, thu phí, lệ phí (nếu có) và chuyển Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xử lý	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	0,25 ngày làm việc
Bước 2	Chuyên viên phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo thẩm định hồ sơ	Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc
Bước 3	Lãnh đạo phòng chuyên môn Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo kiểm tra kết quả thẩm định và trình Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo		0,25 ngày làm việc
Bước 4	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản, Kiểm ngư và Biển đảo xét duyệt và trình Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định		0,25 ngày làm việc
Bước 5	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt, chuyển văn thư		0,5 ngày làm việc
Bước 6	Văn thư Sở vào sổ, đóng dấu, số hóa hồ sơ, lưu trữ và chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu để trả kết quả		0,25 ngày làm việc
Bước 7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công nơi tiếp nhận hồ sơ ban đầu (tỉnh/cấp xã)	0,5 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết TTHC		03 ngày làm việc	